

Số: 14.../NQ-HĐND

Tân Yên, ngày 24 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Về danh mục và phân bổ nguồn vốn đầu tư công năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
KHÓA XIX, KỶ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công năm 2014;

Xét Tờ trình số: 170/TTr-UBND ngày 15/11/2019 của UBND huyện về đề nghị thông qua việc phân bổ nguồn vốn đầu tư công năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện và các ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua danh mục và phân bổ nguồn vốn đầu tư công năm 2020, với số tiền: 165,102 tỷ đồng, bao gồm:

- Giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng đấu giá quyền sử dụng đất: 19,0 tỷ đồng.
- Công tác quy hoạch xây dựng: 3,9 tỷ đồng.
- Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới: 1,6 tỷ đồng.
- Hỗ trợ kiên cố hóa: 2,8 tỷ đồng.
- Hỗ trợ khác: 340 triệu đồng.
- Thực hiện giảm nợ đọng XDCB: 28,89 tỷ đồng.
- Dự án đầu tư xây dựng cơ bản: 44,6 tỷ đồng.
- Dự án đầu tư xây dựng nông thôn mới: 11,172 tỷ đồng.
- Dự án đầu tư XDCB xã làm chủ đầu tư: 25,300 tỷ đồng.
- Hỗ trợ các xã, thị trấn làm đường BTXM theo Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh: 12,5 tỷ đồng.
- 10% chi công tác Quy hoạch, đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 15,0 tỷ đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao UBND huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết, trong quá trình chỉ đạo, điều hành, sử dụng vốn đầu tư công năm 2020, trường hợp có sự thay đổi vốn đầu tư giữa các công trình, dự án thuộc huyện, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo bằng văn bản với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện sau đó trình Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân huyện khóa XIX, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Thường trực HU, HĐND, UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc HU, UBND huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CV.

CHỦ TỊCH



Bà Lê Thị Hương Thành

PHÂN BỐ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 24/12/2019 của HĐND huyện Tân Yên)



STT	Nội dung	Tổng kế hoạch vốn	Trong đó năm 2020				Ghi chú
			Vốn từ thu tiền đất sử dụng đất	Nguồn mục tiêu ngân sách trung ương	Nguồn mục tiêu NST	Nguồn ht khác	
I	CHI ĐẦU TƯ	150.102	94.630	21.372	8.600	25.500	-
1	Giải phóng mặt bằng và xây dựng CSHT đất	19.000	19.000				Biểu 01
2	ĐA, Quy hoạch xây dựng	3.900	3.900				Biểu 02
3	Hỗ trợ nông thôn mới	1.600	1.600				Biểu 03
4	Hỗ trợ kiên cố hóa	2.800	800		2.000		Biểu 04
5	Hỗ trợ công tác khác	340	340				
6	Thực hiện giảm nợ công trình XD CB	28.890	28.890				
7	Công trình XD CB cấp huyện	44.600	27.600	11.000		6.000	Biểu 05
8	Công trình nông thôn mới	11.172		10.372	800		Biểu 06
9	Công trình XD CB xã làm chủ đầu tư	25.300			5.800	19.500	Biểu 09
10	Hỗ trợ các xã, TT làm đường BTXM theo Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND tỉnh	12.500	12.500				
II	10% CHI ĐO ĐẶC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN	15.000	15.000	-	-	-	
1	Chi 10% đo đạc, cấp GCN QSD đất, kiểm kê đất;	15.000	15.000				Biểu 08
	Tổng cộng	165.102	109.630	21.372	8.600	25.500	-

PHÂN BỐ NGUỒN VỐN CHO CÔNG TÁC GPMB, XDCSHT NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 24/12/2019 của HĐND huyện Tân Yên)

Đơn vị: Triệu đồng



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn thu từ tiền đất	Nguồn khác	
1	Chi công tác bồi thường GPMB	13.000	13.000		
2	Chi xây dựng CSHT và chuẩn bị đầu tư	6.000	6.000		
	Tổng cộng	19.000	19.000		

PHÂN BỐ NGUỒN VỐN CHO CÔNG TÁC QUY HOẠCH XÂY DỰNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 24/12/2019 của HĐND huyện Tân Yên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị thực hiện	TMBT	Đã bố trí KHV	Kế hoạch vốn 2020	Ghi chú
	Tổng cộng		6.100	-	3.900	-
1	Cấm mốc qui hoạch thị trấn Cao Thượng	Phòng KT&HT	1.400		1.300	
2	Hồ sơ đề xuất Khu vực phát triển đô thị thị trấn Cao Thượng	Phòng KT&HT	450		450	
3	Hồ sơ đề xuất Khu vực phát triển đô thị thị trấn Nhà Nam	Phòng KT&HT	450		450	
4	Lập QH chung Việt Lập đạt đô thị loại V	Phòng KT&HT	1.500		500	
5	Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp Ngọc Vân	Phòng KT&HT	1.000		500	
6	Cấm mốc lộ giới theo QH xây dựng: Đường từ tỉnh lộ 294, đi tỉnh lộ 295 tiếp nối QL37 kết nối vành đai IV Thủ đô	Ban QLDADT&XD	1.300		700	

PHÂN BỐ NGUỒN VỐN HỖ TRỢ CÁC XÃ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 24/12/2019 của HĐND huyện Tân Yên)

Đơn vị: Triệu đồng



STT	Danh mục dự án	Dự kiến kế hoạch năm 2020		Ghi chú
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn thu từ tiền đất	
I	Xã về đích nông thôn mới năm 2020	500	500	
1	Song Vân	100	100	Đã hỗ trợ 1,0 tỷ năm 2019
2	Cao Xá	100	100	Đã hỗ trợ 1,0 tỷ năm 2019
3	Hợp Đức	100	100	Đã hỗ trợ 1,0 tỷ năm 2019
4	Tân Trung	100	100	Đã hỗ trợ 1,0 tỷ năm 2019
5	Liên Chung	100	100	Đã hỗ trợ 1,0 tỷ năm 2019
I	Xã về đích nông thôn mới năm thứ nhất	600	600	
1	Ngọc Vân	100	100	Duy trì xã về đích năm 2019
2	Ngọc Thiện	100	100	Duy trì xã về đích năm 2019
3	Nhã Nam	100	100	Duy trì xã về đích năm 2019
4	Việt Ngọc	100	100	Duy trì xã về đích năm 2019
5	An Dương	100	100	Duy trì xã về đích năm 2019
6	Lan Giới	100	100	Duy trì xã về đích năm 2019
II	Xã về đích nông thôn mới năm thứ hai	300	300	
1	Đại Hóa	100	100	Duy trì xã về đích năm 2018
2	Ngọc Châu	100	100	Duy trì xã về đích năm 2018

PHÂN BỐ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết HĐND ngày 14/12/2019 của HĐND huyện Tân Yên)

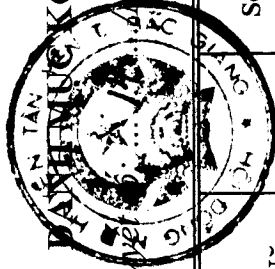


STT	Nội dung	Tổng kế hoạch vốn	Trong đó năm 2020				Ghi chú
			Vốn từ thu tiền đất sử dụng đất	Nguồn mục tiêu ngân sách trung ương	Nguồn mục tiêu NST	Nguồn ht khác	
I	CHI ĐẦU TƯ	150.102	94.630	21.372	8.600	25.500	-
1	Giải phóng mặt bằng và xây dựng CSHT đất	19.000	19.000				Biểu 01
2	ĐA, Quy hoạch xây dựng	3.900	3.900				Biểu 02
3	Hỗ trợ nông thôn mới	1.600	1.600				Biểu 03
4	Hỗ trợ kiên cố hóa	2.800	800		2.000		Biểu 04
5	Hỗ trợ công tác khác	340	340				
6	Thực hiện giảm nợ công trình XD CB	28.890	28.890				
7	Công trình XD CB cấp huyện	44.600	27.600	11.000		6.000	Biểu 05
8	Công trình nông thôn mới	11.172		10.372	800		Biểu 06
9	Công trình XD CB xã làm chủ đầu tư	25.300				19.500	Biểu 09
10	Hỗ trợ các xã, TT làm đường BTXM theo Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND tỉnh	12.500	12.500				
II	10% CHI ĐO ĐẶC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN	15.000	15.000				-
1	Chi 10% đo đạc, cấp GCN QSD đất, kiểm kê đất;	15.000	15.000				Biểu 08
	Tổng cộng	165.102	109.630	21.372	8.600	25.500	-

KẾ HOẠCH LỚP HỌC MẦM NON NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 12/Q-HĐND ngày 24/12/2019 của HĐND huyện Tân Yên)

Đơn vị: Triệu đồng



STT	Danh mục dự án	Năm thực hiện	Số phòng DK thực hiện	Số phòng DK hỗ trợ	Nguồn tỉnh hỗ trợ năm 2020	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2020				Ghi chú
						Tổng số	Nguồn KCH, MT (NST)	NSH	NSX, TT, ...	
	Tổng cộng		13	12	1.000	6.350	2.000	800	3.550	0
	Công trình chuyển tiếp		6	5	1.000	350	250	100	0	0
1	Trường Mầm non xã Ngọc Lý; hạng mục Nhà lớp học 6 phòng học.	2019	6	5	1.000	350	250	100		
	Công trình xây mới		7	7	0	6.000	1.750	700	3.550	0
1	NLH Mầm non xã An Dương 1	2020	3	3		3.000	750	300	1.950	
2	Nhà lớp học MN xã Liên Chung	2020	4	4		3.000	1.000	400	1.600	

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CẤP HUYỆN DỰ KIẾN THỰC HIỆN NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 12/2019/QĐ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND huyện Tân Yên)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	LK KHV đến 31/12/2019	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
				NSTW	NSH (tiền đất)	Nguồn khác	
A	TỔNG CỘNG	605.724	44.600	27.600	6.000	-	
I	CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP	137.224	27.700	10.700	6.000	-	
1	Tuyến đường từ Cầu Liêng Phúc Hòa - TT Cao Thượng đi Cao Xá - Lam Cốt, đến Hoàng Thanh Hiệp Hòa (25km)	80.000	12.300	11.000	1.300	LKV: 92,5 tỷ, bao gồm: 2015: 0,2 tỷ; 2016: 14 tỷ; 2017: 22 tỷ; 2018: 19 tỷ NSTU; 11 tỷ NSH; 2019: 14,0 tỷ; 2020: NSTW: 11,0 tỷ, NSH: 1,3 tỷ	
2	Cải tạo nâng cấp Đường từ QL 17 đi MN Liên Chung, đến Bến cát Liên Chung	16.000	5.200		5.200		
3	Chính trang hạ tầng các khu đô thị huyện Tân Yên	3.000	6.000				
4	Nhà tập luyện Đa năng huyện Tân Yên	900	100		100		
5	Cải tạo nâng cấp đài truyền thanh huyện	1.000	100		100		
6	Sửa chữa nâng cấp sân vận động huyện	600	3.000		3.000		
7	Dự án An Lạc Viên Liên Sơn	1.000	1.000		1.000		

STT	Danh mục dự án	TMĐT	LK KHV đến 31/12/2019	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2020				Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSH (tiền đất)	Nguồn khác	
II	Công trình xây mới	468.500	-	16.900	-	16.900	-	
1	Đường HQV kéo dài (đoạn từ Khu đô thị An Huy đi tỉnh lộ 298), dài 200m, mặt đường rộng 38m	18.000		5.400		5.400		
2	Đường từ QL 17 vào An Lạc Viên Liên Sơn	17.000		3.600		3.600		
3	Đường QH từ QL 17 (đoạn cây xăng phố Bùng TTNN) đi Tân Trung	35.000		6.000		6.000		
4	Cải tạo nâng cấp các công trình phụ trợ khu nhà làm việc huyện ủy, UBND, MTTQ và các cơ quan Đoàn thể huyện	3.500		1.400		1.400		
5	CSHT khu Di tích Đồi Văn hóa kháng chiến (gđ1)	15.000		200		200		Chuẩn bị đầu tư
6	Đường QH từ tỉnh lộ 294, đi TL 295 tiếp nối QL37 kết nối vành đai IV Thủ đô	380.000		300		300		Chuẩn bị đầu tư

DANH MỤC VÀ KH VỐN CÁC CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN HUYỆN VỆ ĐÍCH NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số: **14**/NQ-HĐND ngày **24**/12/2019 của HĐND huyện Tân Yên)

Đơn vị: Triệu đồng

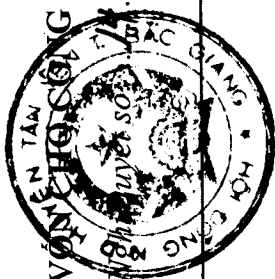
STT	Danh mục công trình	Năm thực hiện	Số dự án	Số: Chuyển tiếp	TMDT	KHV năm 2019	Kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2020						Ghi chú	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn TPCP	NS TW	Ngân sách tỉnh	NS Huyện	NS Xã		Nguồn khác và huy động XHH
	TỔNG CỘNG		4	3	21.500	7.300	14.200	-	10.372	800	-	1.528	1.500	-
	Phúc Hòa		1	1	3.700	1.000	2.700	-	2.600	-	-	100	-	-
1	Công trình chuyên tiếp Cải tạo nâng cấp đường từ Cây xăng Lân Thịnh đi Xa Tân xã Phúc Hòa (dài 1,3km, nền 7m, mặt BTXM 5m)	2019	1	1	3.700	1.000	2.700		2.600			100		
	Hợp Đức		1	1	6.300	1.300	5.000	-	4.900	-	-	100	-	-
1	Công trình chuyên tiếp: Cải tạo nâng cấp Đường từ Xa tán đi Hòa Minh xã Hợp Đức đến Đổng cộc xã Phúc Hòa (bao gồm: Đoạn đường từ Xa tán đi Hòa Minh dài 1,0 km, nền đường rộng 8, mặt BTXM 6m; Đoạn từ ngã ba Hòa Minh xã Hợp Đức đi Đổng cộc xã Phúc Hòa dài 0,8km, nền đường rộng 8m BTXM 6m)	2019	1	1	6.300	1.300	5.000		4.900			100		

STT	Danh mục công trình	Năm thực hiện	Số dự án	Tg đó: Chuyển tiếp	TMDT	KHV năm 2019	Kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2020							Ghi chú	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn TPCP	NS TW	Ngân sách tỉnh	NS Huyện	NS Xã	Khác và huy động XHH		
	Cao Thượng		1		2.000	-					800	-	900	-	
	Đường BTXM từ NVH Hợp Tiến Cao Thượng đi cụm Công Nghiệp Sơn Hà	2019	1		2.000					300	800		900		
	Song Vân		1	1	9.500	5.000						-	428	1.500	
4	Công trình chuyển tiếp Đường BTXM từ Kênh chính đi Chậu, đến Tân Lập Song Vân	2020	1	1	9.500	5.000				2.572			428	1.500	DTBD

PHÂN BỐ NGUỒN VỐN CHỈ ĐỊNH TÁC QUY HOẠCH, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN, ĐO ĐẶC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 24/2019/QĐ-HĐND ngày 24/12/2019 của HĐND huyện Tân Yên)

Đơn vị: Triệu đồng



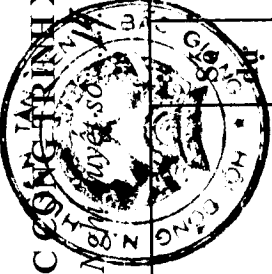
STT	Danh mục dự án	Đơn vị thực hiện	KH đơn vị đề nghị	KHV 2020	Ghi chú
	Tổng cộng		17.650	15.000	
1	Lập hồ sơ quản lý quỹ đất công ích	Phòng TN&MT	400	400	
2	Cấp GCN QSD đất	Phòng TN&MT	7.250	6.100	
3	Lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030	Phòng TN&MT	2.500	2.500	
4	Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính xã Lam Cốt, Quang Tiến	Phòng TN&MT	6.500	5.000	
5	Chỉnh lý biên động đất đai;	Phòng TN&MT	1.000	1.000	

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH XDCB DỰ KIẾN THỰC HIỆN NĂM 2020 (CÁC CÔNG TRÌNH XÃ)

(Kèm theo Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 24/12/2019 của HĐND huyện Tân Yên)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	TMDT	Lũy kế nguồn vốn	Tổng các nguồn vốn	Trong đó					Ghi chú:	
					HTMT NQ29	Nguồn HTMT, SNKTK	NSX	khác, XHH	Nguồn MT NSTU		
I	2	3	4	5	6	7	8	9	11	11	12
	TỔNG CỘNG	6	52.650	19.000	32.650	5.800	19.500	4.684	1.350	2.316	-
I	Công trình chuyển tiếp	3	34.000	19.000	14.000	1.800	9.000	3.200	1.000	-	-
	Lan Giới	1	11.000	9.000	2.000	1.800	0	200	0	0	0
1	Đường BTXm từ tỉnh lộ 294 đi UBND xã Lan Giới (đoạn từ cây xăng Quang Tiến đi UBND xã Lan Giới)	1	11.000	9.000	2.000	1.800		200			
	Lam Cốt	1	12.000	10.000	2.000	0	1.500	500	0	0	0
1	Cải tạo nâng cấp Đường từ Cầu Chân Lam Cốt đi Đại Hóa	1	12.000	10.000	2.000		1.500	500			
	Việt Lập	1	11.000	-	10.000	-	7.500	2.500	1.000	-	-
	Đường BTXM Đông Am Vàng đi Đông Khoát	1	11.000	0	10.000		7.500	2.500	1.000		
II	Công trình xây mới	3	18.650	0	18.650	4.000	10.500	1.484	350	2.316	0
	TT Nhà Nam	1	8.650	0	8.650	4.000	4.000	300	350	0	0
1	Công trình chuyển tiếp: Trường MN thị trấn Nhà Nam (HM:>NNLH 8 phòng trường MN TTNN	1	8.650		8.650	4.000	4.000	300	350		



ST T	Danh mục dự án	dự án	TMDT	Lấy kế nguồn vốn	nguồn vốn	HTMT NQ29	Nguồn HTMT, SNKTK	NSX	khác, XHH	Nguồn MT NSTU	Ghi chú:
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	11	12
	Phúc Hòa	1	8.000	0	8.000	0	5.000	684	0	2.316	
	Đường từ ngã 3 Lân Thịnh đi cả Am Phúc Hòa	1	8.000		8.000		5.000	684		2.316	đã bố trí vốn NTM 2,316
	Ngọc Vân	1	2.000	0	2.000	0	1.500	500	0	0	
	DĐường B TXM từ Đồng Hội đi Nghè Nội	1	2.000		2.000		1.500	500			